

*Bình Phước, ngày 18 tháng 04 năm 2019*

Số...../NQ-BPW

**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Phước sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/11/2018,

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Phước ngày 18 tháng 4 năm 2019,

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

1. Kết quả Sản xuất kinh doanh năm 2018.

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
1	Sản lượng nước sản xuất	m <sup>3</sup>	8.474.000	8.765.519	103
2	Sản lượng nước thương phẩm	m <sup>3</sup>	6.800.000	6.959.822	102
3	Tỷ lệ thất thoát nước	%	20	20,6	
4	Phát triển đồng hồ mới	cái	5.000	5.027	101
6	Phát triển ống mạng	m	25.500	38.518	
5	Tổng doanh thu	Tr.đồng	74.900	81.236	108
6	Tổng chi phí	Tr.đồng	79.000	81.149	102
7	Lợi nhuận	Tr.đồng	(4.100)	87	202
8	Nộp NSNN	Tr.đồng	5.300	6.367	140

2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2018 của công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định, được công bố trên website của Công ty bao gồm:

- Báo cáo của Kiểm toán viên;
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính

**Điều 2:** Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018.

**Điều 3:** Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

**Điều 4:** Báo cáo quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS năm 2018.

**Điều 5:** Tờ trình về Chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2019.

**Điều 6:** Thông qua Tờ trình về chiến lược, mục tiêu giai đoạn 2019-2021 của Công ty.

1. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi

a) Sứ mệnh

Chúng tôi tự hào đem đến sản phẩm nước sạch cho cuộc sống trên quê hương Bình Phước.

b) Tầm nhìn

Chúng tôi luôn kiên trì mục tiêu là nhà cung cấp số một các sản phẩm về nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước, đến năm 2021 doanh thu đạt trên 85 tỷ đồng, dịch vụ uy tín, chuyên nghiệp.

c) Giá trị cốt lõi

BPWater luôn coi con người là giá trị cốt lõi quan trọng nhất. Chúng tôi không ngừng tìm kiếm, đào tạo và phát triển những cộng sự luôn luôn chăm chỉ, cần mẫn, nhiệt tâm, không ngừng học hỏi, phấn đấu, bất chấp mọi thử thách, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn, làm việc vì đam mê, sống có lý tưởng, được hỗ trợ bởi quy trình liên tục cải tiến, được thúc đẩy bởi công nghệ đột phá và luôn phản ứng nhanh với mọi thay đổi, phát triển toàn cầu.

2. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh giai đoạn trung hạn 2019-2021.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch		
				Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021

<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu sản xuất</b>					
1	Nước máy sản xuất	m <sup>3</sup>	8.765.519	8.761.000	8.480.248	8.801.162
2	Nước máy thương phẩm	m <sup>3</sup>	6.959.822	7.085.000	6.826.600	7.112.290
3	Tỷ lệ thất thoát bình quân	%	20,6	19	19,5	19
4	Lắp đặt đồng hồ mới	Đồng hồ	5.027	2.000	2.000	1.500
5	Khôi phục khách hàng sử dụng nước	KH	0	2.600	600	500
<b>II</b>	<b>Các chỉ tiêu tài chính</b>					
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	81.236	79.501	80.339	85.304
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	81.149	77.533	77.491	80.903
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	87	1.968	2.398	4.401
4	Nộp NSNN	Triệu đồng	6.367	7.200	7.065	7.635

### 3. Các công trình đầu tư:

- Công trình nâng cấp nhà máy cấp nước Đồng Xoài công suất từ 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm với tổng dự toán đầu tư là 35 tỷ đồng từ nguồn vốn tự có và vốn vay. Thời gian thực hiện từ 2019-2021.

- Công trình nâng cấp nhà máy cấp nước Phước Long công suất từ 6.400m<sup>3</sup>/ ngày đêm lên 10.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, với tổng dự toán đầu tư là 14.858 triệu đồng, từ nguồn vốn tự có và vốn vay. Thời gian thực hiện dự án 2019-2021.

- Nâng công suất trạm bơm tăng áp 1, trạm bơm tăng áp 2- thị xã Phước Long công suất từ 2.000m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 5.000m<sup>3</sup>/ ngày đêm. Với tổng dự toán là 2.650 triệu đồng, thời gian thực hiện dự án 2019-2020.

**Điều 7:** Thông qua Tờ trình về kế hoạch Sản xuất kinh doanh của Công năm 2019.

### 1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2018	Kế hoạch Năm 2019	Tăng (giảm)
<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu sản xuất</b>				

1	Nước sản xuất	m <sup>3</sup>	8.765.519	8.761.000	-0,1%
2	Nước thương phẩm	m <sup>3</sup>	6.959.822	7.085.000	+2%
3	Tỷ lệ thất thoát bình quân	%	20,6	19	
4	Lắp đặt đồng hồ mới	Đồng hồ	5.027	2.000	
5	Khôi phục khách hàng sử dụng nước	KH	0	2.600	
<b>II</b>	<b>Các chỉ tiêu tài chính</b>				
1	Tổng doanh thu, trong đó:	Tr.đồng	81.236	79.501	-2%
2	Tổng chi phí	Tr.đồng	81.149	77.533	-4%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	87	1.968	
4	Nộp NSNN	Tr.đồng	6.367	7.200	+13%

## 2. Kế hoạch đầu tư các dự án trong năm 2019

Tổng mức đầu tư năm 2019 là 20,024,149,646đồng , trong đó:

- Vốn tự có là 11,024,149,646 đồng
- Vốn vay là: 9,000,000,000 đồng.

Cụ thể các hạng mục đầu tư, mua sắm trong năm 2019 như sau:

STT	Danh mục đầu tư, mua sắm, sửa chữa	Chi phí (đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Đầu tư xây dựng cơ bản</b>	<b>18,060,469,646</b>	
<b>1</b>	<b>Cải tạo, nâng cấp nhà máy từ công suất 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 30.000m<sup>3</sup>/ ngày đêm</b>	<b>1,246,561,746</b>	Vốn tự có
1.1	Khảo sát, lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra công trình nâng cấp xây dựng cụm xử lý công suất 20.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm lên 30.000m <sup>3</sup> / ngày đêm	1,046,756,946	
1.2	Gia cố mương thoát nước bảo vệ tuyến ống nước thô	199,804,800	
<b>2</b>	<b>Cải tạo, nâng cấp nhà máy, mạng lưới nhà máy Phước Long</b>	<b>3,697,362,900</b>	Vốn tự có

2.1	Khảo sát, thiết kế, thẩm tra công trình Nâng công suất Nhà máy xử lý cấp nước Phước Long công suất 6.400m <sup>3</sup> /ngày đêm lên 10.000 m <sup>3</sup> / ngày đêm (trạm 2)	583,494,000	
2.2	Nâng cấp Trạm bơm tăng áp 1, Trạm bơm tăng áp 2	2,650,000,000	
2.3	Thay thế Ống sắt đường Sư Vạn Hạnh, Lý Thái Tổ	349,495,900	
2.4	Hoàn trả lại nguyên trạng tuyến ống D110 đường Lê Văn Duyệt	114,373,000	
<b>3</b>	<b>Phát triển mạng lưới</b>	<b>13,116,545,000</b>	
1	Khu B KCN Bắc Đồng Phú	4,200,000,000	Vốn vay
2	KCN Đồng Xoài 3 (gđ 2)	4,800,000,000	Vốn vay
3	Phát triển ống trục khu vực Đồng Xoài	2,994,817,000	
4	Phát triển mạng lưới Phước Long Tuyến ống đường vòng Sân Bay, khu Phước An, Phường Phước Bình	1,121,728,000	
<b>II</b>	<b>Mua sắm</b>	<b>849,516,000</b>	<b>Vốn tự có</b>
1	Mua sắm công cụ, dụng cụ	549,516,000	
2	Cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng ứng dụng hệ thống GIS quản lý mạng lưới cấp nước	300,000,000	
<b>III</b>	<b>Thay thế, cải tạo hệ thống cấp nước</b>	<b>1,114,164,000</b>	<b>Vốn tự có</b>
<b>1</b>	<b>Mạng lưới cấp nước và trong nhà máy tại Đồng Xoài</b>	<b>682,797,000</b>	
1.1	Thay thế các đường ống STK và di dời các đồng hồ trên đường ống này	295,634,000	
1.2	Thay thế các van tay xoay trên mạng lưới	387,163,000	
<b>2</b>	<b>Sửa chữa, cải tạo, bảo dưỡng hệ thống cấp nước Phước Long</b>	<b>431,367,000</b>	
2.1	Lắp đặt đồng hồ D200 cho khu phía nam TTHC thị xã và khu 6,7,8,9; Lắp đặt 2 đồng hồ D150 cho khu vực Phước Long	266,635,000	
2.2	Gia cố, bảo vệ tuyến ống truyền tải nước sạch	164,732,000	

<b>TỔNG CỘNG I+II+III</b>	<b>20,024,149,646</b>
---------------------------	-----------------------

**Điều 8:** Thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một đơn vị kiểm toán sau để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

1. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC; Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2. Công ty TNHH Kiểm toán VACO; Địa chỉ: Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319, Số 63 đường Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội.

**Điều 9:** Thông qua Tờ trình về tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS kế hoạch 2019.

1. Tiền lương của HĐQT và BKS năm 2019.

STT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Mức lương, bình quân /tháng	Tổng quỹ lương KH năm 2019
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	25.000.000	300.000.000
2	Tổng Giám đốc	1	12	23.000.000	276.000.000
3	Phó Tổng giám đốc	2	12	21.000.000	252.000.000
4	Trưởng BKS	1	12	21.000.000	252.000.000
5	Kế toán trưởng	1	12	19.000.000	228.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6</b>			<b>1.560.000.000</b>

2. Thù lao của thành viên HĐQT, BKS và Thư ký năm 2019

STT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Mức thù lao bình quân /tháng	Tổng quỹ thù lao KH năm 2019
1	Thành viên HĐQT	1	12	3.848.000	46.176.000
2	Thành viên BKS	1	12	2.553.000	30.636.000
3	Thư ký	1	12	1.554.000	18.648.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3</b>			<b>95.460.000</b>

**Điều 10:** Thông qua Tờ trình về miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2021.

**Điều 11:** Thông qua Tờ trình về việc bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2021.

**Điều 12:** Thông qua kết quả trúng cử bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước nhiệm kỳ 2017-2021

**Điều 13: Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, phó Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và những người có liên quan có trách nhiệm thực hiện các công việc được giao bởi Đại hội đồng cổ đông trong Nghị quyết này nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông Công ty và tuân thủ theo các quy định của Pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT